TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 304/2023/DS-PT
Ngày: 22-8-2023
V/v "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các thẩm phán:

Bà Trương Thị Tuyền;

Bà Nguyễn Thị An Tiên.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023, về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2023/DS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 271/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1938; nơi cư trú: Số X, tổ 11, ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm: 1964 và chị Võ Thị Lệ Th, sinh năm: 1988. Cùng cư trú: Số X, tổ 11, ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số Z, tổ 11, ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1947; nơi cư trú: Tổ 11, ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm: 1967; nơi cư trú: Y, đường H, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3.2. Bà Lâm Thị D1 sinh năm: 1948; nơi cư trú: Tổ 11, ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. 3. Bà Lê Thị H, sinh năm: 1975; nơi cư trú: Z ấp C, xã C huyện G tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4. Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị T - nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ KIỆN:

Đại diện Nguyên đơn bà L trình bày:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2020, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đức Tr và ông Nguyễn Văn Đ phải trả lại quyền sử dụng phần đất diện tích phía trước ngang 0,5m, phía sau ngang 0,77m, chiều dài 24,3m, đất tọa lạc tại ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Đức Tr đứng tên. Nguồn gốc do Ông Đ tặng cho đất ông Tr và năm 2017.

Tại đơn khởi kiện bổ sung 06/7/2020, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đức Tr phải trả lại phần đất diện tích ngang 0,3m, chiều dài 23m, đất tọa lạc tại ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Đức Tr đứng tên.

Đất tranh chấp là của bà T nhưng bà T không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, do bà T là dâu và đất tranh chấp là đường mương thoát nước sinh hoạt có ba hộ gia đình sử dụng chung nhưng bà T khẳng định mương thoát nước này là của ông bà để lại cho bà T, không liên quan đến các hộ sử dụng mương nước chung.

Hiện nay đường mương nước vẫn còn nhưng diện tích bề ngang chỉ còn khoảng 04-05 tất (0,4 -05m), không đủ 0,77m. Đối với đơn kiện bổ sung bà T khởi kiện đất ngang 0,3m dài 23m, sau khi xem bản vẽ bà T có ý kiến như sau: Bà L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với ông Tr, bà L không khởi kiện bà Thạch.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/8/2022 và 18/10/2022, bà T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00099 QSDĐ/223/2003/QĐ-CT (HL) ngày 18/11/2003 của UBND huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn Đ; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 226036 ngày 20/6/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Đức Tr do việc cấp giấy trái pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/4/2023: Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả đường mương nước ngang mặt trước 0,6m ngang mặt sau 0,77 m dài 24,3m nằm trong giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00099 QSDĐ/223/2003/ QĐ-CT (HL) ngày 18/11/2003 của UBND huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn Đ, hiện nay là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 226036 ngày 20/6/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Đức Tr. Do Ông Đ tặng cho ông Tr theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Văn Đ, Lâm Thị D1 và Nguyễn Đức Tr có chứng thực UBND xã C.

Phần phía sau không có mương nước là phần đất ngang 0,3m dài 23m. Phần đất tranh chấp thuộc 1 phần thửa số 55 tờ bản đồ số 09 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186415 ngày 6/5/2005 của UBND huyện G cấp cho bà Nguyễn Thị T, Trích lục bản đồ địa chính ngày 24/10/2002 do Xí nghiệp trắc địa bản đồ S02 Công ty đo đạc địa chính và công trình, cấp cho bà Nguyễn Thị T.

Tài sản trên đất tranh chấp có 1 phần căn nhà cấp 2 của anh Nguyễn Đức Tr và chị Lê Thị H đang sử dụng.

Về nguồn gốc đất: Đất là cái mương nước do ông Lê Văn Đ1 chết (cha chồng bà T) để lại, sử dụng làm mương nước cho 03 gia đình là Nguyễn Thị T, Lê Thị M chết có con Đặng Thị Kiều D2 và bà Lê Thị B chết hiện có cháu nội bà B là Nguyễn Tấn K sử dụng chung từ 1955 đến nay.

Năm 1990 ông Nguyễn Văn Đ đến đây mua của bà Trình Thị Q (hiện sống ở nước Mỹ) 01 căn và ông Th1 01 căn, mỗi căn 3,5m nhưng bà L không biết họ tên và địa chỉ cụ thể. Bà L chỉ nói vậy thôi chứ không có chứng cứ để chứng minh, Tổng cộng 2 căn chỉ có 07m. Ông Đ có xin sử dụng chung mương nước với bà T nhưng hai bên chỉ nói miệng, không làm văn bản.

Phần đất là mương nước nguyên đơn không có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Lý do nguyên đơn chỉ là con dâu nên không đăng ký kê khai. Đất do ông Lê Văn Đ1 (chết) cha chồng bà T sử dụng.

Về nguồn gốc đất, ông Đây, bà Kim cho vợ chồng bà T phần phía sau không có mương nước ngang 0,3m dài 23m. Phần đất tranh chấp thuộc 01 phần thửa số 55 tờ bản đồ số 09 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186415 ngày 06/5/2005 của UBND huyện G cấp cho bà Nguyễn Thị T, trích lục bản đồ địa chính ngày 24/10/2002 do Xí nghiệp trắc địa bản đồ S02 Công ty đo đạc địa chính và công trình, cấp cho bà Nguyễn Thị T.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T, bà Thu trình bày: Thống nhất lời trình của bà L không bổ sung gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Đức Tr trình bày: Ông Tr không đồng ý như yêu cầu của bà T, bà L.

Đất do ông Tr đứng tên, ông Tr vẫn để đường mương cho bên bà L sử dụng bình thường nhưng ông Tr xác định đường mương nước là đất của ông Tr.

Đất của ông Tr đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất có nguồn gốc do cha ông Tr là Nguyên Văn Đức tặng cho. Vợ chồng ông Tr xây dựng nhà có bản vẽ, xây dựng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tr đứng tên. Ông Tr xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tr Nhà nước cấp như vậy là đúng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày: Bà Hòa cũng thống nhất theo lời trình bày của bị đơn, không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Đức D trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ không đồng ý theo yêu cầu nguyên đơn. Nguồn gốc đất của Ông Đ tặng cho ông Tr hai bên có làm thủ tục chuyển quyền theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Lâm Thị D1: đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không đến theo giấy triệu tập của Tòa án và không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2023/DS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tuyên xử.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 166 và 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất*" đối với ông Nguyễn Đức Tr, bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Đức Tr, bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 19.725.000 đồng trị giá diện tích 2,63m^2 đất tranh chấp thuộc 1 phần thửa số 55 tờ bản đồ số 09 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186415 ngày 6/5/2005 của UBND huyện G cấp cho bà Nguyễn Thị T.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất là mương nước*" đối với ông Nguyễn Đức Tr, bà Nguyễn Thị H. Ghi nhận: ông Nguyễn Đức Tr, bà Nguyễn Thị H đồng ý cho bà Nguyễn Thị T sử dụng chung phần đất có diện tích 2,61 + 2,8m^2 thuộc 1 phần thửa 53. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 226036 ngày

20/6/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Đức Tr. Với tứ cận như sau:

Đông giáp: điểm giao nhau số 6 dài 0m (theo bản trích đo bản đồ địa chính của Công ty TNHH MTV Vật liệu thuận Thiên phát cung cấp).

Tây giáp: 1 phần thửa 53 dài 0,09m (phần quy hoạch lộ giới).

Nam giáp: ranh hiện trạng hiện ông Tr đang sử dụng dài 3,19 + 13,81m.

Bắc giáp: thửa 52 (bà T đang sử dụng) 3,19+ 13,81m

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06-6-2023, nguyên đơn có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại đường mương nước.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2023/DS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 01-6-2023, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 06-6-2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn kháng cáo. Kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Bà Nguyễn Thị T được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186415 ngày 6/5/2005 diện tích 258,2m^2 thuộc thửa 55, tờ bản đồ số 09, giáp ranh với đất của Ông Đ là cha của ông Nguyễn Đức Tr. Bà T cho rằng nguồn gốc mương nước là đất của ông Nguyễn Văn Đây cha chồng bà T để lại năm 1955, bà T sử dụng nhưng không kê khai đăng ký

quyền sử dụng đất. Ông Tr cho rằng Ông Đ là cha của ông mua đất, chủ đất chỉ đất có đường mương nước và ông Đức được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00099 QSDĐ/223/2003/ QĐ-CT (HL) ngày 18/11/2003 của UBND huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn Đ phần đất có diện tích 270,4m^2 , thửa số 54, tờ bản đồ số 09. Ông Tr được Ông Đ ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng phần đất diện tích 270,4m ^{2} (bút lục 90) và ông Tr đã được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 226036 ngày 20/6/2019 có diện tích 270,4m ^{2} Thửa số 53, tờ bản đồ số 36 (bút lục 95,96).

[2.2] Tại công văn số 2062 của Ủy ban nhân dân huyện G xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Đ và ông Tr là đúng theo quy định của pháp luật.

[2.3] Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì phần mương nước thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00099 QSDĐ/223/2003/ QĐ-CT (HL) ngày 18/11/2003 của UBND huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn Đ. Hiện nay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 226036 ngày 20/6/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Đức Tr.

[2.4] Tuy nhiên có một phần đất tranh chấp diện tích 1,13 m2 và 1,5 m^2 thuộc 1 phần thửa số 55 tờ bản đồ số 09 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186415 ngày 6/5/2005 của UBND huyện G cấp cho bà Nguyễn Thị T. Nên cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T buộc ông Tr bà Hòa trả cho bà T diện tích 2,63m^2 nhưng do đất ông Tr, bà Hòa đã xây nhà kiên cố không thể di dời được nên giao ông Tr, bà Hòa tiếp tục sử dụng đất, thanh toán lại cho bà T giá trị đất là 19.725.000 đồng là có căn cứ. Đại diện Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà T. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 50/2023/ST-DS, ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T là người cao tuổi nên miễn án phí phúc thẩm cho bà T.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 166 và 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2023/ST-DS, ngày 01-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T *về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất*" đối với ông Nguyễn Đức Tr, bà Nguyễn Thị H.

4. Buộc ông Nguyễn Đức Tr, bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 19.725.000đồng trị giá diện tích 2,63m^2 đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 55 tờ bản đồ số 09 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186415 ngày 6/5/2005 của UBND huyện G cấp cho bà Nguyễn Thị T.

Ông Nguyễn Đức Tr, bà Nguyễn Thị Hòa được quyền sử dụng diện tích 2,63m^2 phần thửa số 55 tờ bản đồ số 09 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186415 ngày 6/5/2005 của UBND huyện G cấp cho bà Nguyễn Thị T đứng tên quyền sử dụng đất. (có sơ đồ đất kèm theo)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T *về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất là mương nước*" đối với ông Nguyễn Đức Tr, bà Nguyễn Thị H. Ghi nhận: ông Nguyễn Đức Tr, bà Nguyễn Thị H đồng ý cho bà Nguyễn Thị T sử dụng chung phần đất có diện tích 2,61+ 2,8m^2 thuộc 1 phần thửa 53. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 226036 ngày 20/6/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Đức Tr. Với tứ cận:

Đông giáp: điểm giao nhau số 6 dài 0m (theo bản trích đo bản đồ địa chính của Công ty TNHH MTV Vật liệu thuận Thiên phát cung cấp).

Tây giáp: 1 phần thửa 53 dài 0,09m (phần quy hoạch lộ giới).

Nam giáp: ranh hiện trạng hiện ông Tr đang sử dụng dài 3,19 + 13,81m.

Bắc giáp: thửa 52 (bà T đang sử dụng) 3,19+ 13,81m.

6. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T được miễn tiền án phí phúc thẩm dân sự

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu luật pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

8. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện G;
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Hồng Vân